

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý 4-2020	Quý 4-2019
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312,872,072	288,656,790
Chi phí nhân công	905,079,877	770,702,481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116,309,707	135,357,327
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73,519,456	130,267,867
Chi phí khác bằng tiền	210,909	
Cộng	1,407,992,021	1,324,984,465

9. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

9.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 và 31 tháng 03 năm 2019

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 03 năm 2020 và 31 tháng 03 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản cho vay, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản cho vay, tiền và các khoản tiền gửi) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

9.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

D.N. S. CA

9.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 01 tháng 01 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	354,557,879	-	-	354,557,879
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	164,242,087	-	-	164,242,087
Cộng	518,799,966	-	-	518,799,966
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	450,176,064	-	-	450,176,064
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	82,647,595	-	-	82,647,595
Cộng	532,823,659	-	-	532,823,659

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: (Xem trang 22)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực in ấn sách giáo khoa. Trụ sở, nhà xưởng và doanh thu của Công ty chỉ phát sinh ở địa bàn thành phố Đà Nẵng. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

2 Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Anh

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 01 năm 2021



Phạm Duy

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 - 2020

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tên Công ty	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Công ty CP Sách & TB trường học Thành phố HCM - STC	187,576,022	(29,176,022)	158,400,000	207,896,764
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội - EBS	7,414,800	(5,228,000)	2,186,800	7,414,800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng - DAD	117,553,675	(32,623,675)	117,553,675	117,553,675
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội - EID	45,986,888	(5,656,888)	45,986,888	45,986,888
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng - DAE	106,591,520	(5,791,520)	106,591,520	121,818,880
Công ty CP Sách & TB trường học Quảng Ngãi	60,000,000	-	60,000,000	60,000,000
Công ty CP Sách & TB Giáo dục Miền Trung	30,000,000	-	30,000,000	30,000,000
Công ty CP giao thông Đồng Nai - DGT	117,920,000	-	117,920,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (i)	12,330,000	-	12,330,000	-
Cộng	685,372,905	(78,476,105)	650,968,883	590,671,007
				541,413,443

(*) Các cổ phiếu đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán.

(**) Các cổ phiếu chưa niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán.

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 của các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày khóa sổ theo giá thị trường có giá trị tham chiếu đáng tin cậy. Đối với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác chưa đại chúng, Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định trình bày giá trị hợp lý bằng giá trị sổ sách dựa theo phương pháp giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 - 2020
Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.14. Vốn chủ sở hữu
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Các khoản mục khác	Cộng
Số dư đầu năm	18,049,800,000	-60,093,500	-914,353,746	1,914,347,993	0	625,978,112	19,615,678,859		
Lợi nhuận tăng trong kỳ trước						173,811,742	173,811,742		
Lợi nhuận tăng trong kỳ này	0	0	0	0	0	60,645,702	60,645,702		
Tăng vốn trong năm nay	0	0	0	0	0	0	0		
Tăng khác	0	0	0	0	0	0	0		
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	0	0	0	0	0	0	0		
Chia cổ tức năm 2018	0	0	0	0	0	0	0		
Chia cổ tức năm 2019	0	0	0	0	0	0	0		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2018	0	0	0	0	0	0	0		
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2019	0	0	0	0	0	0	0		
Trích lập các quỹ	0	0	0	0	0	0	0		
Giảm khác	0	0	0	0	0	0	0		
Số dư cuối kỳ	18,049,800,000	-60,093,500	-914,353,746	1,914,347,993	0	860,435,556	19,850,136,303		
	0	0	0	0	0	0	0		0

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 - 2020

Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.10. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020	Dự phòng	Giá trị	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2019
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài					-	-
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			300,000,000		-	300,000,000
- Tài sản tài chính sẵn sàng để bán						
- Phải thu khách hàng	666,909,469	(84,065,141)	984,343,576		666,909,469	984,343,576
- Phải thu về cho vay	12,605,000,000		13,105,000,000		12,605,000,000	13,105,000,000
- Phải thu khác	20,914,851	-	1,052,819,580		20,914,851	1,052,819,580
- Tiền và các khoản tương đương tiền	3,158,680,390	-	255,115,565		3,158,680,390	255,115,565
- Tài sản tài chính khác						
TỔNG CỘNG	16,451,504,710	(84,065,141)	15,697,278,721	(60,655,388)	16,451,504,710	15,697,278,721
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	-	-	-		-	-
- Trái phiếu chuyển đổi					-	-
- Cổ phiếu ưu đãi					-	-
- Phải trả người bán			353,645,634			
- Chi phí phải trả và phải trả khác	82,647,595	-	251,512,697		82,647,595	251,512,697
- Nợ phải trả tài chính khác					-	-
TỔNG CỘNG	82,647,595	-	605,158,331	-	82,647,595	251,512,697

